

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST

Ngày: 03/10/2019

V/v: “*Tranh chấp đòi thực hiện nghĩa  
vụ tài sản do người chết để lại*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tiên Nghiệm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2016/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2016, về tranh chấp tài sản chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST- DS, ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh T.

*Bị đơn:*

Ông Trang Hoàng C, sinh năm: 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số , đường số , tổ , khu phố, phường Trường T, quận Th, thành Phố ;

Bà Trang Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Bà Trang Thị Đ, sinh năm: 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh T.

Bà Trang Thị V, sinh năm: 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Thanh M, huyện Châu T, tỉnh T;

Bà Trang Thị B, sinh năm: 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ngải Tr, xã Tập N, huyện T, tỉnh T.

Bà Trang Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ngô Văn K, xã Tập N, huyện T, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trang Văn Q, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Tập N, huyện T, tỉnh T.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trang Thị Mỹ H, sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp C, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh T là người đại diện theo ủy quyền của ông Trang Văn Q (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Vào năm 1994, bà có đóng góp số tiền 100.000.000 đồng (tương đương 30 chỉ vàng 24kr) để cùng sửa chữa căn nhà cấp 4 của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị T, căn nhà gắn liền với diện tích đất 1.404 m<sup>2</sup>, thửa 602, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp C, xã Tập N, huyện T, tỉnh T, do cụ T và cụ T đứng tên quyền sử dụng. Hiện nay căn nhà và diện tích đất nêu trên, những người thuộc hàng thừa kế của cụ T và cụ T đang tranh chấp.

Tại biên bản định giá ngày 19/6/2018, thì số phần mà bà đã đóng góp sửa chữa căn nhà nêu trên hiện có giá trị là 60.500.678 đồng. Qua hòa giải tại Tòa án, những người thừa kế của cụ T và cụ T gồm ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T thống nhất trả cho bà số tiền 45.500.678 đồng, bà cũng đồng ý; nhưng tại phiên tòa, người đại diện của ông C, bà T, bà Đ, bà V, bà B và bà T rút đơn khởi kiện về tranh chấp thừa kế và thay đổi ý kiến, chỉ đồng ý trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng, bà không thống nhất.

Nay bà yêu cầu ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị Th, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B, bà Trang Thị T và ông Trang Văn Q là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ T phải trả lại cho bà giá trị phần đóng góp sửa chữa căn nhà nêu trên là 45.500.678 đồng.

***Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị Th trình bày:***

Cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị Tr đã chết có để lại diện tích đất 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp c, xã tập N, huyện T, tỉnh T, bao gồm căn nhà có trên đất như bà Đ trình bày. Giữa các đương sự có tranh chấp về thừa kế tài sản trên với ông Trang Văn Q Tại phiên tòa, người đại diện của các đương sự đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các đương sự thống nhất không còn khởi kiện ông Trang Văn Q tranh chấp thừa kế. Đối với phần góp xây

dựng căn nhà của bà Đ là có nhưng theo giá mà Hội đồng định giá là cao nên các đương sự không đồng ý trả cho bà Đ số tiền trên, chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 25.000.000 đồng.

***Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Trang Văn Q và người đại diện ông là chị Trang Thị Mỹ H trình bày:***

Giữa ông Trang Văn Q với ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T có tranh chấp thừa kế di sản của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị T gồm diện tích 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp C, xã tập N, huyện T, tỉnh Tr và căn nhà gắn liền với đất. Tuy nhiên, hiện nay ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T đã rút yêu cầu khởi kiện, ông sẽ tranh chấp thừa kế sau. Đối với phần căn nhà có trên đất, ông từ chối nhận thừa kế nên không có trách nhiệm cùng những người thừa kế khác trả số tiền mà bà Đ yêu cầu.

***Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:*** Không có.

***Những vấn đề các đương sự không thống nhất:*** Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B, bà Trang Thị T và ông Trang Văn Q phải trả lại giá trị phần đóng góp sửa chữa căn nhà của cụ T và cụ T đã chết để lại số tiền 45.500.678 đồng. Ông C, bà T, bà Đ, bà V, bà B và bà T chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 25.000.000 đồng; ông Q không đồng ý cùng trả số tiền trên cho bà Đ.

***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T đối với ông Trang Văn Q về việc tranh chấp thừa kế di sản của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị T đã chết gồm diện tích 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp Cay, xã tập N, huyện T, tỉnh T và căn nhà gắn liền với đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B, bà Trang Thị T và ông Trang Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 45.500.678 đồng.

Buộc các đương sự phải chịu án phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Tại phiên tòa, ngày 16/4/2019, người đại diện của ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp di sản thừa kế của cụ T và cụ Tr đối với diện tích đất 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp Cay, xã t, huyện T, tỉnh T và các tài sản trên đất, nên Hội đồng xét xử đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện này của các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trang Văn Q không có đơn yêu cầu phản tố; tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ có khởi kiện độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu, nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đ và Tòa án xác định lại tư cách của các đương sự như sau: Bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn; ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T là bị đơn; ông Trang Văn Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị mà bà đã đóng góp xây dựng căn nhà cấp 4 của là di sản thừa kế của cụ T và cụ Tr, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là đòi thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người đại diện cho ông Trang Văn ) có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung vụ án:** Xét thấy, bà Nguyễn Thị Đ vào năm 1994 có bỏ ra một khoản tiền để sửa chữa căn nhà cấp 04 của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị T trên diện tích đất 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp cay, xã t, huyện T, tỉnh T là có thật, bởi tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận trong các lời khai, biên bản có trong hồ sơ vụ án; nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, bà Đ yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ T gồm ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B, bà Trang Thị T và ông Trang Văn Q phải trả lại giá trị phần đóng góp sửa chữa căn nhà của cụ T và cụ T để lại trên thửa đất nêu trên số tiền 45.500.678 đồng; trong quá trình hòa giải, người đại diện cho ông C, bà T, bà Đ, bà V, bà B và bà T đồng ý, nhưng tại phiên tòa ngày 16/4/2019 đã thay đổi ý kiến, chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 25.000.000 đồng; ông Q không đồng ý cùng trả số tiền trên. Từ đó phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ T phải trả cho bà số tiền 45.500.678 đồng.

[3] Căn cứ vào biên bản định giá ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập thì phần mà bà Đ đã đóng góp sửa chữa căn nhà tranh chấp hiện có giá trị là 60.500.678 đồng. Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T, bà Đ, bà V, bà B và bà T trước đây có làm đơn yêu cầu Tòa án định giá lại phần đóng góp căn nhà của bà Đ, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho các đương sự đóng tiền tạm ứng lệ phí định giá; nhưng các đương sự không nộp tiền nên coi như từ bỏ việc yêu cầu định giá, Tòa án không xem xét tiến hành định giá lại, mà căn cứ vào kết quả định giá ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá để quyết định.

Xét thấy, bà Đ chỉ yêu cầu ông C, bà Th, bà Đ, bà V, bà B, bà T và ông Q là những người thừa kế của cụ T và cụ Tr trả số tiền 45.500.678 đồng theo sự thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 07/8/2018 là phù hợp, có căn cứ chấp nhận; vì giá trị tiền bà Đ yêu cầu không cao hơn giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định như đã nêu trên. Do hiện nay những người thừa kế của cụ T và cụ Tr chưa giải quyết xong tranh chấp thừa kế, chưa cử người quản lý di sản, trong đó có căn nhà mà bà Đ đòi giá trị, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ T phải có trách nhiệm cùng trả số tiền trên cho bà Đ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí và lệ phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.**

Buộc ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B, bà Trang Thị T và ông Trang Văn Q là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 45.500.678 đồng là phần đóng góp của bà Đ để xây dựng căn nhà cấp 4, nằm trên diện tích 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp cay, xã tập N, huyện T, tỉnh T của cụ T và cụ T đã chết để lại.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị Th, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T đối với ông Trang Văn Q về việc tranh chấp thừa kế diện tích 1.404,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp cây , xã tập Ng, huyện T, tỉnh Tr; cùng các tài sản gắn liền, có trên đất của cụ Trang Văn T và cụ Trương Thị Tr đã chết để lại. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

### 3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.515.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017842 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

- Buộc ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B, bà Trang Thị T và ông Trang Văn Q phải liên đới chịu 2.025.033 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trong đó mỗi người phải chịu 289.290 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Trang Hoàng C đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005089; bà Trang Thị T đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005094; bà Trang Thị Đ đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005092; bà Trang Thị V đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005093; bà Trang Thị B đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005091; bà Trang Thị T đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005088, cùng ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Như vậy, ông Trang Văn Q phải nộp số tiền 289.290 đồng; ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị T, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị T mỗi người được nhận lại số tiền chênh lệch là 67.710 đồng.

- Hoàn trả cho cụ Trang Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005090 ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần (do cụ T đã chết nên đại diện những người thuộc hàng thứ nhất của cụ nhận lại số tiền này).

4. Về lệ phí: Buộc ông Trang Hoàng C, bà Trang Thị Th, bà Trang Thị Đ, bà Trang Thị V, bà Trang Thị B và bà Trang Thị Th phải liên đới chịu 3.406.000 đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ; cung cấp thông tin và định giá tài sản (Số tiền này các đương sự đã nộp và chi xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Tiên Nghiệm**